

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 06-5-2019

V/v “tranh chấp về ly hôn, nuôi  
con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Thúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Kim Xuyên

2. Ông Nguyễn Văn Ngọc

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lý Kim Yên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Vương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 12/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc “tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lê Minh N**, sinh năm 1970, địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện N, tỉnh Đồng Nai

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm V**, sinh năm 1968, địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện N, tỉnh Đồng Nai

(Ông N có mặt, bà V vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Minh N trình bày:***

Ông N và bà Nguyễn Thị Cẩm V chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã A, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2000. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2008 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông bà chính thức ly thân từ năm 2008 đến nay.

Nay ông N cương quyết xin ly hôn bà V vì không còn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có hai con chung là cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 19/11/1995 và cháu Lê Thị Thùy Tr, sinh ngày 05/10/2000. Cháu T và cháu Tr đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

***Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm V có ý kiến trình bày:***

Bà và ông Lê Minh N chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã A, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2000.

Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc không phát sinh mâu thuẫn gì. Nhưng đến năm 2008 ông N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, bà V đã nhiều lần khuyên nhủ và tha thứ nhưng ông N không thay đổi. Ông N dọn ra ngoài sinh sống với người phụ nữ khác từ năm 2008 cho đến nay, ông bà chính thức ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, ông bà đã nhiều lần bàn bạc đoàn tụ nhưng không thành.

Nay bà V xác định không còn tình cảm với ông N nhưng không đồng ý ly hôn vì bà không muốn gia đình tan vỡ, con cái có đầy đủ cha mẹ quan tâm chăm sóc.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có hai con chung là cháu Lê Hoàng T – sinh ngày 19/11/1995 và cháu Lê Thị Thùy Tr – sinh ngày 05/10/2000. Cháu T và cháu Tr đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch thụ lý và xác định quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn đúng với quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; Về tư cách tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, thời hạn đưa vụ án ra xét xử, nguyên tắc xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ông N được ly hôn bà V, về án phí nguyên đơn phải chịu theo luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thẩm vấn, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

*1/ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:*

Nguyên đơn ông Lê Minh N nộp đơn đúng trình tự thủ tục, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm V, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

*2/ Về tư cách đương sự:*

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định: Nguyên đơn ông Lê Minh N; bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm V. Bà V có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà V.

*3/ Xét yêu cầu khởi kiện:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh N và bà Nguyễn Thị Cẩm V chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, ông N cương quyết xin ly hôn bà V và khai nại không còn tình cảm vợ chồng với bà V, thời gian ly thân đã hơn 10 năm, vợ chồng gặp nhau bàn bạc đoàn tụ không thành. Bà V không đồng ý ly hôn với ông N nhưng bà V xác nhận không còn tình cảm với ông N. Xét thấy thời gian ly thân của ông bà quá lâu, ông bà đã nhiều lần bàn bạc đoàn tụ nhưng không thành, ông N, bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cần xét cho ông N được ly hôn bà V là phù hợp quy định pháp luật.

- Về con chung: Ông bà thống nhất khai trong thời gian chung sống có hai con chung là cháu Lê Hoàng T – sinh ngày 19/11/1995 và cháu Lê Thị Thùy Tr – sinh ngày 05/10/2000. Cháu T và cháu Tr đã trưởng thành nên không Tòa không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông N, bà V khai không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông N, bà V khai không có nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Do đó, ông N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 220, 228, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm V về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”.

Tuyên xử:

Cho ông Lê Minh N được ly hôn bà Nguyễn Thị Cẩm V.

Về con chung: Ông Nhứt, bà Vân khai có hai con chung là cháu Lê Hoàng T – sinh ngày 19/11/1995 và cháu Lê Thị Thùy Tr – sinh ngày 05/10/2000. Cháu T và cháu Tr đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông N, bà V khai không tranh chấp nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- Về nợ chung: Ông N, bà V khai không có nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Về án phí: Ông Lê Minh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Nhứt đã nộp theo biên lai thu số 0000136 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N (ông N đã nộp xong).

Báo cáo đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- VKS, THADS, TAT;
- UBND xã, PTP;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Thúc**

